

Số: /HD-STC

Nam Định, ngày tháng 9 năm 2021

HƯỚNG DẪN

**Lập, giao dự toán, cấp phát, thanh quyết toán kinh phí
hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15/8/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sử dụng nguồn tài chính trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Thông báo số 14/TB-HĐND ngày 26/6/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông báo kết quả phiên họp giám sát kết quả thực hiện kiến nghị sau giám sát chuyên đề của Thường trực HĐND tỉnh và giám sát việc thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh;

Căn cứ Văn bản số 243/UBND-VP6 ngày 12/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc áp dụng giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Nam Định năm 2021;

Căn cứ Văn bản số 660/UBND-VP6 ngày 16/9/2021 của UBND tỉnh Nam Định về việc phương thức cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Nam Định năm 2021 và các năm tiếp theo.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở Tài chính xây dựng văn bản hướng dẫn việc lập, giao dự toán, thực hiện dự toán, cấp phát và thanh, quyết toán tiền hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Nam Định như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG, MỨC, KINH PHÍ NHÀ NƯỚC HỖ TRỢ

1. Đối tượng và phạm vi được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi thực hiện theo quy định tại Điều 11, Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ; trong đó lưu ý:

- Các diện tích chưa có công trình thủy lợi phục vụ, nhân dân tự tưới, tiêu hoặc do các tổ chức không được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ tưới, tiêu thì không thuộc đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 96/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

- Tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi không thuộc đối tượng được hỗ trợ thì phải nộp tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi cho đơn vị khai thác công trình thủy lợi.

2. Mức hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thực hiện theo quy định tại Điều 12, Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ và Quyết định quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định; trong đó lưu ý:

- Mức giá hỗ trợ của nhà nước tính từ điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi giữa tổ chức, cá nhân cung cấp và tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm dịch vụ đến vị trí công trình thủy lợi đầu mối ở vị trí khởi đầu. Các khoản chi phí từ điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đến khu đất canh tác thuộc trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi.

- Quy định về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi từ điểm giao nhận sản phẩm dịch vụ thủy lợi vào mặt ruộng (thủy lợi nội đồng): Tổ chức thủy lợi cơ sở căn cứ đặc điểm hệ thống thủy lợi nội đồng, thông qua đại hội xã viên hoặc tập thể người dùng nước để thỏa thuận mức đóng góp sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi nội đồng cho phù hợp trên nguyên tắc đa số, tính đúng, tính đủ và công khai để đảm bảo hoạt động tưới, tiêu.

II. LẬP, GIAO DỰ TOÁN:

1. Về lập dự toán kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

Hàng năm, các đơn vị khai thác công trình thủy lợi lập dự toán, tổng hợp trình các cấp có thẩm quyền theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn Luật.

a. Cơ sở lập dự toán: Căn cứ vào khối lượng công việc, diện tích (ha), khối lượng (m^3), định mức kinh tế kỹ thuật, giá, mức hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định hiện hành.

b. Xác định khối lượng công việc và diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi:

Hàng năm, các đơn vị tiến hành rà soát, xác định khối lượng công việc và diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm kế hoạch theo văn bản hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Trên cơ sở báo cáo của các đơn vị, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp khối lượng công việc và diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của các địa phương, đơn vị trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Tổng hợp dự toán kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi:

- Đối với dự toán của các đơn vị thuộc cấp huyện quản lý:

Phòng Nông nghiệp và PTNT tổng hợp dự toán của các đơn vị thuộc cấp huyện quản lý gửi Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện rà soát, tổng hợp, lập dự toán kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi cùng thời điểm lập dự toán ngân sách và tổng hợp trong dự toán chi ngân sách cấp huyện, báo cáo UBND cấp huyện kiểm tra và gửi về Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp trong dự toán ngân sách địa phương. cùng thời điểm lập dự toán ngân sách và tổng hợp trong dự toán ngân sách

- Đối với Công ty TNHH MTV KTCTTL thuộc tỉnh:

Công ty có trách nhiệm tổng hợp diện tích tưới, tiêu nước được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; lập dự toán kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi cùng thời điểm lập dự toán ngân sách; gửi về Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, tổng hợp dự toán của các Công ty TNHH MTV KTCTTL thuộc tỉnh và dự toán của các đơn vị thuộc cấp huyện quản lý; tổng hợp vào dự toán chi ngân sách địa phương báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh vào kỳ họp cuối năm.

3. Về giao dự toán:

Căn cứ dự toán ngân sách địa phương được Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao dự toán hỗ trợ kinh phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi cho các đơn vị khai thác công trình thủy lợi theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật ngân sách nhà nước.

Từ năm 2022, đối với kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi của các đơn vị thuộc cấp huyện quản lý sẽ được đưa vào dự toán ngân sách huyện ngay từ đầu năm.

Thời gian giao dự toán: Hoàn thành trước ngày 31/12 năm trước năm kế hoạch.

III. CẤP PHÁT VÀ THANH QUYẾT TOÁN

1. Về thanh toán, cấp phát kinh phí đối với phương thức giao nhiệm vụ:

Việc thanh toán, cấp phát kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với phương thức giao nhiệm vụ thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, khoản 4, Điều 16 Nghị định 96/2018/NĐ-CP, các văn bản hướng dẫn và thực hiện cấp phát thanh toán cho đơn vị nhận hàng bằng lệnh chi tiền; cụ thể:

a) Đợt 1: Đầu quý I, Sở Tài chính (Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện) cấp 60% tổng kinh phí dự toán giao nhiệm vụ cho tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi.

b) Đợt 2: Đầu quý III, sau khi có báo cáo tình hình thực hiện 6 tháng đầu năm, dự kiến thực hiện 6 tháng cuối năm và ước thực hiện kế hoạch cả năm của tổ chức khai thác công trình thủy lợi. Sở Tài chính (Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện) cấp tiếp 40% kinh phí còn lại.

*** Hồ sơ đề nghị thanh toán, cấp kinh phí:**

- Công văn đề nghị cấp phát kinh phí;
- Quyết định giao nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền;
- Dự toán chi;
- Báo cáo tình hình thực hiện 6 tháng đầu năm. (*Theo Mẫu biểu 01 đính kèm*)

2. Về thanh toán, cấp phát kinh phí đối với phương thức đặt hàng:

Việc thanh toán, cấp phát kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với phương thức đặt hàng thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, khoản 5, Điều 16 Nghị định 96/2018/NĐ-CP, các văn bản hướng dẫn và thực hiện cấp phát thanh toán cho đơn vị nhận đặt hàng bằng lệnh chi tiền; cụ thể:

a) Đợt 1: Ngay sau khi hợp đồng đặt hàng được ký, Sở Tài chính (Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện) tạm ứng 60% kinh phí theo hợp đồng cho đơn vị nhận đặt hàng vào đầu quý I.

b) Đợt 2: Sau khi có báo cáo tình hình thực hiện hợp đồng đạt 60% giá trị hợp đồng, Sở Tài chính (Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện) tạm ứng tiếp 30% kinh phí theo hợp đồng.

c) Đợt 3: 10% kinh phí còn lại được cấp phát thanh toán sau khi hợp đồng được nghiệm thu, thanh lý.

*** Hồ sơ đề nghị thanh toán, cấp kinh phí:**

- Công văn đề nghị cấp phát kinh phí của cơ quan đặt hàng;
- Quyết định giao dự toán của cấp có thẩm quyền;
- Hợp đồng đặt hàng (Bản sao);
- Báo cáo tình hình thực hiện hợp đồng đặt hàng (đối với đợt cấp tiếp 30%).
(Mẫu biểu 04 đính kèm)

- Biên bản nghiệm thu, thanh lý (đối với đợt cấp 10% còn lại).

3. Về thanh toán, cấp phát kinh phí đối với phương thức đấu thầu

Việc thanh toán, cấp phát kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với phương thức đấu thầu thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước khoản 6, Điều 16 Nghị định 96/2018/NĐ-CP, các văn bản hướng dẫn và thực hiện cấp phát thanh toán cho đơn vị nhận đấu thầu bằng lệnh chi tiền; cụ thể:

a) Đợt 1: Ngay sau khi hợp đồng nhận thầu được ký, Sở Tài chính (Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện) tạm ứng 50% kinh phí theo hợp đồng cho đơn vị nhận thầu.

b) Đợt 2: Sau khi có báo cáo tình hình thực hiện hợp đồng với khối lượng đã thực hiện đạt 60% giá trị nhận thầu, Sở Tài chính (Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện) ứng tiếp 40% kinh phí theo hợp đồng

c) Đợt 3: 10% kinh phí còn lại được cấp phát thanh toán sau khi hợp đồng được nghiệm thu, thanh lý.

*** Hồ sơ đề nghị thanh toán, cấp kinh phí:**

- Công văn đề nghị cấp phát kinh phí của cơ quan ký hợp đồng;
- Hợp đồng nhận đấu thầu (Bản sao);
- Báo cáo tình hình thực hiện Hợp đồng (đối với đợt cấp tiếp 40%);
- Biên bản nghiệm thu khối lượng theo giá trị nhận thầu (đối với đợt cấp 10% còn lại).

4. Về quyết toán kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

a) Việc quyết toán kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Điều 17

Nghị định 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính Phủ và các văn bản hướng dẫn, cụ thể:

- Năm 2021, Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp, thẩm định quyết toán kinh phí hỗ trợ sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi đối với Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh và UBND các huyện trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả tưới, tiêu nước và kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

- Từ năm 2022, sau khi kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi của các đơn vị thuộc cấp huyện quản lý đã được đưa vào dự toán ngân sách huyện:

+ Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp, thẩm định quyết toán kinh phí hỗ trợ sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi đối với Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi trình UBND tỉnh phê duyệt.

+ Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện chủ trì, phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT tổng hợp, thẩm định quyết toán kinh phí hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với các tổ chức thủy lợi cơ sở thuộc UBND huyện quản lý, báo cáo UBND huyện để báo cáo Sở Tài chính tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

b) Hồ sơ quyết toán kinh phí, gồm:

- Hợp đồng cung cấp, sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;
- Biên bản nghiệm thu, thanh lý Hợp đồng sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

Trường hợp Hộ dùng nước được là Ủy ban nhân dân cấp xã, hợp tác xã, tổ chức hợp tác dùng nước, giám đốc trạm trại thí nghiệm, giám đốc nông trường thì phải có bảng danh sách các hộ gia đình, diện tích đất của từng hộ gia đình kèm theo.

4. Xử lý thừa, thiếu kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi

1. Xử lý thừa, thiếu kinh phí đối với các tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi: Hàng năm, sau khi quyết toán kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nếu số kinh phí được cấp lớn hơn số kinh phí được hỗ trợ theo quyết toán thì phải nộp trả ngân sách nhà nước phần chênh lệch; nếu số kinh phí được cấp thấp hơn số kinh phí được hỗ trợ theo quyết toán thì sẽ được ngân sách cấp bổ sung theo quy định.

2. Hàng năm, Sở Tài chính phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp quyết toán kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trình Ủy ban nhân dân tỉnh có Quyết định phê duyệt gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính để xem xét, xử lý kinh phí thừa, thiếu theo quy định.

IV. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Các đơn vị nhận đặt hàng phải báo cáo tình hình thực hiện hợp đồng đặt hàng 6 tháng đầu năm (*Mẫu biểu 03*), kết thúc năm phải lập biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng đặt hàng làm căn cứ để quyết toán kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

Đơn vị được giao nhiệm vụ định kỳ 6 tháng và kết thúc năm tài chính phải báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch 6 tháng đầu năm, ước thực hiện kế hoạch cả năm (*Mẫu biểu 01*) và báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm (*Mẫu biểu 02*).

2. Báo cáo gửi về Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với Công ty TNHH MTV KTCTTL thuộc tỉnh); Phòng Tài chính - Kế hoạch và Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện (Đối với các đơn vị thuộc cấp huyện quản lý).

Thời hạn báo cáo: Trước ngày 31 tháng 7 năm kế hoạch đối với báo cáo 6 tháng và trước ngày 31 tháng 01 năm sau đối với báo cáo năm.

Mẫu biểu báo cáo: Theo Mẫu số 01, 02, 03, 04 đính kèm

Công văn này thay thế Công văn số 871/STC-TCDN ngày 29/7/2020 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn công tác lập, tổng hợp, giao dự toán và thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi hàng năm.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các địa phương, đơn vị tổng hợp báo cáo Sở Tài chính để xem xét giải quyết./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở NN&PTNT (phối hợp);
- Công ty TNHH MTV KTCTTL thuộc tỉnh;
- UBND các huyện: Giao Thủy, Xuân Trường, Nghĩa Hưng, Ý Yên;
- Website Sở Tài chính;
- Lưu: VT, TCDN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Văn Anh